

Số: 526 /QĐ-SYT

Bắc Ninh, ngày 27 tháng 8 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Cấp mới, cấp lại, thu hồi Giấy phép hành nghề
khám bệnh, chữa bệnh đợt 25 năm 2025

GIÁM ĐỐC SỞ Y TẾ TỈNH BẮC NINH

Căn cứ Luật Khám bệnh, chữa bệnh số 15/2023/QH15 ngày 09/01/2023;

Căn cứ Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Thông tư số 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ Y tế về việc quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Quyết định số 02/2025/QĐ-UBND ngày 01/07/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Ninh về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Y tế tỉnh Bắc Ninh;

Căn cứ Biên bản họp ngày 27/8/2025 của Tổ thư ký thẩm định hồ sơ đề nghị cấp giấy phép hành nghề khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Quản lý hành nghề, Sở Y tế.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp mới, cấp lại Giấy phép hành nghề khám bệnh, chữa bệnh cho 29 cá nhân đủ điều kiện và thu hồi 02 Giấy phép hành nghề khám bệnh, chữa bệnh, gồm các cá nhân sau: (Có danh sách kèm theo).

Điều 2. Các cá nhân được cấp Giấy phép hành nghề khám bệnh, chữa bệnh tại Điều 1 có trách nhiệm thực hiện đúng phạm vi hành nghề, thời hạn hành nghề và tuân thủ các quy định hiện hành đối với người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành. Trưởng các Phòng thuộc Sở và các cá nhân có tên tại Điều 1 căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận: *[Chữ ký]*

- Như Điều 3;
- Ban Giám đốc SYT (để b/c);
- Các đơn vị trực thuộc SYT;
- Các cơ sở KBCB tư nhân;
- Công TTĐT SYT (đăng tải);
- Lưu VT, QLHN.



KT GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thị Thu Hương



Phụ lục
DANH SÁCH CẤP MỚI, CẤP LẠI, THU HỒI GIẤY PHÉP HÀNH NGHỀ KHÁM BỆNH CHỮA BỆNH
ĐỢT 25 NĂM 2025

(Ban hành kèm theo Quyết định số 526/QĐ-SYT ngày 27/8/2025 của Sở Y tế)

<i>TT</i>	<i>Họ tên</i>	<i>Ngày sinh</i>	<i>CCCD</i>	<i>Ngày cấp</i>	<i>Nơi cấp</i>	<i>Chức danh CM</i>	<i>PVHN đề nghị cấp</i>	<i>Số ký hiệu GPHN</i>	<i>Ngày cấp GPHN</i>	<i>Thời hạn GPHN</i>	<i>Thu hồi CCHN/GPHN cũ</i>
1	NGUYỄN HỒNG NHUNG	11/5/1996	024196008647	07/9/2021	Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội	Kỹ thuật y	Phục hồi chức năng	000638/B N-GPHN	27/08/2025	27/08/2030	
2	VI HẢI ĐĂNG	28/7/1999	024099010923	31/7/2024	Bộ Công an	Bác sĩ	Y khoa	000639/B N-GPHN	27/08/2025	27/08/2030	
3	LIỄU THỊ GIANG	06/11/1988	024188009993	17/12/2021	Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội	Bác sĩ	Chuyên khoa Nội khoa	000640/B N-GPHN	27/08/2025	27/08/2030	
4	NGUYỄN NHẬT HIỂN	19/3/1999	027099011576	14/5/2024	Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội	Bác sĩ	Y khoa	000641/B N-GPHN	27/08/2025	27/08/2030	
5	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG ANH	09/10/1999	027199011132	18/10/2024	Bộ Công an	Bác sĩ	Y học cổ truyền	000642/B N-GPHN	27/08/2025	27/08/2030	
6	NGUYỄN THỊ BÍCH PHƯƠNG	26/12/1992	024192010035	02/7/2021	Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội	Bác sĩ	Y học dự phòng	000643/B N-GPHN	27/08/2025	27/08/2030	
7	VŨ VĂN XUÂN	03/10/1973	024073002950	09/5/2021	Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội	Bác sĩ	Chuyên khoa Nội khoa	000644/B N-GPHN	27/08/2025	27/08/2030	

8	THÂN THỊ TÂM	09/12/1989	024189 019529	09/5/2021	Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội	Điều dưỡng	Điều dưỡng	000645/B N-GPHN	27/08/ 2025	27/08/ /2030	
9	THANG THỊ THẢO LINH	31/5/2002	027302 006124	30/10/2021	Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội	Điều dưỡng	Điều dưỡng	000646/B N-GPHN	27/08/ 2025	27/08/ /2030	
10	ĐÀO TÙNG DƯƠNG	21/10/2001	024201 007321	18/12/2021	Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội	Điều dưỡng	Điều dưỡng	000647/B N-GPHN	27/08/ 2025	27/08/ /2030	
11	VŨ THỊ HỒNG VÂN	10/9/1993	024193 014385	27/6/2021	Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội	Điều dưỡng	Điều dưỡng	000648/B N-GPHN	27/08/ 2025	27/08/ /2030	
12	NGUYỄN THỊ THU HUYỀN	05/8/1994	027194 001109	04/4/2021	Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội	Điều dưỡng	Điều dưỡng	000649/B N-GPHN	27/08/ 2025	27/08/ /2030	
13	PHẠM THỊ TÂM	22/12/1999	027199 004815	31/10/2023	Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội	Bác sĩ	Y học cổ truyền	000650/B N-GPHN	27/08/ 2025	27/08/ /2030	
14	TRẦN THỊ DUYÊN	15/11/2000	027300 005028	17/5/2021	Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội	Bác sĩ	Y học cổ truyền	000651/B N-GPHN	27/08/ 2025	27/08/ /2030	
15	ĐỖ TIẾN DŨNG	17/01/1983	024083 010965	21/9/2022	Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội	Điều dưỡng	Điều dưỡng	000652/B N-GPHN	27/08/ 2025	27/08/ /2030	
16	CHU THỊ THỦY	21/12/1999	024199 003287	15/01/2025	Bộ Công an	Bác sĩ	Y học cổ truyền	000653/B N-GPHN	27/08/ 2025	27/08/ /2030	

17	TỔNG NGỌC NGHĨA	16/7/2002	024202 007069	19/8/2022	Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội	Kỹ thuật y	Hình ảnh y học	000654/B N-GPHN	27/08/ 2025	27/08 /2030	
18	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG ANH	21/8/2002	024302 012612	14/8/2021	Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội	Kỹ thuật y	Phục hồi chức năng	000655/B N-GPHN	27/08/ 2025	27/08 /2030	
19	NGUYỄN MỘC ANH	02/8/2003	024203 006943	03/5/2023	Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội	Kỹ thuật y	Phục hồi chức năng	000656/B N-GPHN	27/08/ 2025	27/08 /2030	
20	ĐỖ THỊ LỢI	10/5/1985	024185 004111	29/4/2025	Bộ Công an	Kỹ thuật y	Phục hồi chức năng	000657/B N-GPHN	27/08/ 2025	27/08 /2030	
21	CHU THÙY DUNG	10/10/1998	004198 001179	28/6/2022	Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội	Bác sĩ	Y khoa	000658/B N-GPHN	27/08/ 2025	27/08 /2030	
22	NGUYỄN THỊ THÁI HẰNG	25/7/1999	024199 013312	28/11/2024	Bộ Công an	Bác sĩ	Y học cổ truyền	000659/B N-GPHN	27/08/ 2025	27/08 /2030	
23	NGUYỄN MINH ĐỨC	24/9/2000	019200 010305	03/5/2023	Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội	Bác sĩ	Y học cổ truyền	000660/B N-GPHN	27/08/ 2025	27/08 /2030	
24	NGUYỄN THÁI ANH	15/4/1999	001099 001793	15/3/2024	Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội	Bác sĩ	Y khoa	000661/B N-GPHN	27/08/ 2025	27/08 /2030	

25	ĐÀM THỊ MIỀN	27/3/1989	024189 022463	02/7/2021	Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội	Điều dưỡng	Điều dưỡng	000662/B N-GPHN	27/08/ 2025	27/08 /2030	
26	TRẦN THỊ THU HƯƠNG	24/12/1998	027198 007720	15/11/2024	Bộ Công an	Bác sĩ	Y học cổ truyền	000663/B N-GPHN	27/08/ 2025	27/08 /2030	
27	HOÀNG THỊ KIỀU OANH	26/7/2003	024303 011358	07/11/2021	Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội	Điều dưỡng	Điều dưỡng	000664/B N-GPHN	27/08/ 2025	27/08 /2030	
28	NGUYỄN KIM GIANG	26/01/1987	027187 001856	31/3/2021	Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội	Điều dưỡng	Điều dưỡng	000620/B N-GPHN	27/08/ 2025	13/8/ 2030	620/BN-GPHN cấp ngày 13/8/2025
29	NGUYỄN KHẮC TRUNG	21/9/1999	024099 003164	05/7/2023	Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội	Bác sĩ	Chuyên khoa Sản phụ khoa	000605/B N-GPHN	27/08/ 2025	13/8/ 2030	605/BN-GPHN cấp ngày 13/8/2025